

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 70/2016/NQ-HĐND9

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải
tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường
bổ sung trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 4338/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Đối tượng thu phí

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ yêu cầu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mức thu phí: *(Phụ lục kèm theo)*

3. Quản lý phí

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung là khoản thu ngân sách nhà nước. Cơ quan thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Phạm Văn Cành

Phụ lục
MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
MÔI TRƯỜNG, ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT;
PHÍ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2016/NQ-HĐND9
ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Nhóm dự án				
	≤ 50	> 50 và ≤ 100	> 100 và ≤ 200	> 200 và ≤ 500	> 500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	5,0	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án Giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

2. Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)				
	≤ 50	> 50 và ≤ 100	> 100 và ≤ 200	> 200 và ≤ 500	> 500
Dự án về thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

3. Trường hợp thẩm định lại nếu hợp thẩm định lần 1 không đạt yêu cầu: Mức thu phí bằng 50% mức thu quy định tại mục 1 và 2 nêu trên.

4. Trường hợp các dự án từ 02 nhóm trở lên: Mức thu phí ở nhóm dự án có mức thu phí cao hơn.

5. Trường hợp phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản được thẩm định đồng thời với báo cáo đánh giá tác động môi trường: Mức thu phí đồng thời theo 02 mức thu phí quy định tại mục 1 và 2 nêu trên./.